

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 08/5/2018.

V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Nguyệt.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Tr, sinh năm 1957;

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Lệ H, sinh năm 1959;

Cùng trú địa chỉ: Thôn 7, xã NĐ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Trương Tr yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Tr, bà Võ Thị Lệ H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau khoảng tháng 6 năm 1986, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến khoảng tháng 8/1988 ông Tr, bà H cùng người con chung vào làm ăn, sinh sống tại xã NĐ cho đến nay. Ban đầu vợ chồng ông Tr, bà H chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau lại thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng hay bất

đồng, cãi vả nhau. Đến khoảng năm 1991 trong lúc mâu thuẫn, ông Tr đã xé bỏ giấy đăng ký kết hôn. Vì các con đang còn nhỏ nên ông Tr cố gắng chung sống nhưng đến năm 2017 thì mâu thuẫn lên đỉnh điểm, ông Tr không thể tiếp tục chung sống với bà H nên phải bỏ đi ở nơi khác. Hiện nay ông Tr không còn tình cảm gì với bà H, vợ chồng đã không chung sống với nhau khoảng hơn 1 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên ông Tr yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Quá trình chung sống, ông Trương Tr và bà Võ Thị Lệ H có 02 người con chung tên là Trương N, sinh năm 1988 và Trương B, sinh năm 1991. Hiện nay cả hai người con chung đều đã thành niên nên khi ly hôn, ông Tr không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Võ Thị Lệ H trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ H và ông Trương Tr chung sống với nhau từ khoảng tháng 6/1986 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến năm 1988 vợ chồng vào sinh sống tại xã NĐ cho đến nay; vào khoảng năm 1990 - 1991, vợ chồng mâu thuẫn nên ông Tr đã xé bỏ giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà H và ông Tr vẫn hạnh phúc bình thường; chỉ đến cách đây khoảng 1 năm, ông Tr có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, gia đình không còn hạnh phúc như trước. Tuy hiện nay ông Tr không còn chung sống với bà H nhưng bà H không đồng ý ly hôn với ông Tr bởi vì bà H đang bị bệnh, cần có người chăm sóc. Trường hợp ông Tr vẫn cương quyết ly hôn thì bà H đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án giải quyết cho ông Tr được ly hôn với bà H thì bà H yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi bà H số tiền 1.000.000đ/tháng vì hiện tại bà H đang đau bệnh, không có khả năng lao động.

- Quá trình chung sống, bà Võ Thị Lệ H và ông Trương Tr có 02 người con chung tên là Trương N, sinh năm 1988 và Trương B, sinh năm 1991. Hiện nay hai người con chung đều đã thành niên nên bà H không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết cho ông Trương Tr được ly hôn với bà Võ Thị Lệ H. Về án phí: Đề nghị cho ông Tr miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên Tòa hôm nay, ông Tr và bà H đều công nhận chung sống với nhau từ tháng 6/1986 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã LD, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng khi chuyển vào xã ND làm ăn, sinh sống thì ông Tr đã xé bỏ giấy đăng ký kết hôn. Nhưng kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại UBND xã LD, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế không xác định được ông Tr và bà H có đăng ký kết hôn tại địa phương hay không vì sổ đăng ký đã bị thất lạc do lũ lụt năm 1999 nên việc có đăng ký kết hôn như lời khai của ông Tr, bà H là không có cơ sở để xác định. Tuy nhiên, ông Tr với bà H đều công nhận đã tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ khoảng tháng 6 năm 1986, đến năm 1988 mới vào làm ăn, sinh sống tại xã ND, huyện Tánh Linh. Như vậy, từ sự công nhận của các đương sự về thời điểm chung sống với nhau nên có đủ căn cứ để xác định ông Tr và bà H xác lập quan hệ vợ chồng vào thời điểm trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực), tức là hôn nhân thực tế nên trong trường hợp ông Tr có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 theo Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình.

Xét về tình trạng hôn nhân của ông Tr và bà H thì sau khi chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không có sự tin tưởng lẫn nhau, không có ý thức giữ gìn sự chung thủy, hạnh phúc gia đình. Chính những mâu thuẫn nội tại phát sinh trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Sau khi thụ lý vụ án; Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông Tr, bà H có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Ông Tr cương quyết ly hôn, không muốn đoàn tụ chung sống nhưng bà H không đồng ý ly hôn. Lý do mà bà H đưa ra để không đồng ý ly hôn với ông Tr là đang bị bệnh, cần có người chăm sóc. Tuy nhiên, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông Tr, bà H tại địa phương cho thấy ông Tr đã không còn chung sống với bà H từ khoảng 1 năm nay, bà H đang sống với vợ chồng người con trai đầu và trong sinh hoạt hàng ngày, bà H đều tự thực hiện, chăm lo cho bản thân được chứ không cần người chăm sóc.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Tr, bà H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân ông Tr hiện nay đã không còn tình cảm với bà H nữa; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét xử cho ông Tr được ly

hôn với bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn:* Tại phiên Tòa hôm nay, bà H trình bày trong trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết cho ông Tr được ly hôn với bà H thì bà H yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi bà H số tiền 1.000.000đ/tháng vì hiện tại bà H đang đau bệnh, không có khả năng lao động. Ông Tr không đồng ý cấp dưỡng vì không có điều kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn của bà H là chính đáng; tuy nhiên hiện nay ông Tr đã lớn tuổi, sức khỏe không đảm bảo, hàng ngày công việc không ổn định, thu nhập thất thường chỉ đủ nuôi sống bản thân; tài sản, nhà cửa đã để lại cho bà H và các con chung. Bên cạnh đó, bà H hiện nay đang chung sống với vợ chồng người con trai đầu, bà H vẫn tự tích lũy để lo việc chữa bệnh và tự chăm sóc cho bản thân được trong thời gian sống ly thân với ông Tr từ năm 2017 đến nay. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng của bà H không có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông Tr và bà H có 02 người con chung và đều đã thành niên. Khi ly hôn, ông Tr và bà H đều không có yêu cầu về con nên không xét đến.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[6] *Về án phí:*

- Yêu cầu ly hôn của ông Tr được chấp nhận nên ông Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng ông Tr sinh năm 1957, tại thời điểm xét xử đã 61 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà H được miễn nộp tiền án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn không được chấp nhận, theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147 và 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trương Tr được ly hôn với bà Võ Thị Lệ H.
- Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn của bà Võ Thị Lệ H.

- *Về án phí*: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Trương Tr và miễn nộp tiền án phí yêu cầu cấp dưỡng cho bà Võ Thị Lệ H.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/5/2018 (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã NĐ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ